

BÁO CÁO

Thực trạng và nhu cầu dạy, học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Thông báo số 186/TB-VP ngày 16/01/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Minh Luân về việc rà soát, đăng ký nội dung xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo¹, UBND các xã/phường² tiến hành rà soát số trẻ người dân tộc thiểu số (DTTS) đang sinh sống, học tập tại các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG

Theo Quyết định số 02354/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh và Quyết định số 60/QĐ-BDĐT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, giai đoạn 2026-2030 tỉnh Cà Mau có 165 khóm/ấp vùng đồng bào DTTS, trong đó có 91 ấp đặc biệt khó khăn; có 12 xã/phường thuộc vùng đồng bào DTTS, được phân định theo trình độ phát triển, bao gồm: 02 xã khu vực I, 03 xã khu vực II và 07 xã khu vực III. Đây là các địa bàn còn nhiều hạn chế về điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở vật chất và môi trường sử dụng tiếng Việt.

Toàn tỉnh hiện có 312 trường tiểu học và 16 trường phổ thông có cấp tiểu học (trong đó có 34 trường tiểu học thuộc vùng DTTS) với 161.266 học sinh tiểu học (có 6.794 học sinh người DTTS).

Thực tế hiện nay, đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Cà Mau (chủ yếu là dân tộc Khmer) sinh sống phân tán, không tập trung, trải rộng ở nhiều địa bàn khác nhau. Một bộ phận trẻ em DTTS còn gặp khó khăn nhất định về giao tiếp bằng tiếng Việt, kỹ năng học tập và khả năng thích ứng môi trường học tập trước khi vào lớp Một, nhất là tại các khu vực vùng đồng bào DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu.

Những khó khăn nêu trên, ở mức độ nhất định, đã và đang ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông và kết quả học tập ban đầu

¹ Công văn số 784/SGDĐT-GDMNTH ngày 03/02/2026 của Sở GDĐT, Công văn số 385/SDTTG-DT ngày 10/02/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

² Công văn số 484/SGDĐT-GDMNTH ngày 22/01/2026 của Sở GDĐT.

của trẻ. Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách liên quan, đồng thời hỗ trợ trẻ em DTTS có sự chuẩn bị tốt hơn về tâm thế và năng lực ngôn ngữ tiếng Việt trước khi vào lớp Một.

II. TỔ CHỨC RÀ SOÁT, KHẢO SÁT

1. Đối tượng khảo sát

Trên cơ sở Công văn số 484/SGDĐT-GDMNTH ngày 22/01/2026 của Sở GDĐT, các địa phương đã tiến hành khảo sát, rà soát số trẻ 6 tuổi người DTTS vào lớp Một trong các năm học gần đây, cụ thể:

- Năm học 2024-2025: Có 4.802 trẻ DTTS vào lớp Một (trong đó, số trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS: 4.081 trẻ).
- Năm học 2025-2026: Có 4.853 trẻ DTTS vào lớp Một (trong đó, số trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS: 4.093 trẻ).
- Dự báo năm học 2026-2027: Có 2.229 trẻ DTTS vào lớp Một (trong đó, số trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS: 1.750 trẻ).

** Từ số liệu các năm như trên, dự báo bình quân hằng năm có khoảng trên **2.000** trẻ 6 tuổi người DTTS vào lớp Một.*

2. Nội dung khảo sát

Trẻ trước khi vào lớp Một là trẻ 5 tuổi đang học lớp Lá trong các trường mầm non - mẫu giáo và nội dung cần khảo sát liên quan đến tâm thế, kỹ năng học tập, năng lực nghe, nói tiếng Việt, những khó khăn, hạn chế của trẻ trước khi đi học lớp Một nên Sở GDĐT vận dụng *Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi* theo Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2024 của Bộ GDĐT để thực hiện khảo sát, rà soát.

Theo đó, nội dung khảo sát gồm các lĩnh vực Tình cảm - xã hội, Ngôn ngữ và giao tiếp, Nhận thức, Tiếp cận với việc học, số trẻ còn hạn chế về giao tiếp tiếng Việt.

3. Kết quả khảo sát

Các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã khảo sát **1.944** trẻ 5 tuổi người DTTS theo các lĩnh vực trên, số trẻ **chưa đạt** các chuẩn như sau:

3.1. Lĩnh vực Tình cảm - xã hội

- Chuẩn 7, trẻ em nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân: 155 trẻ, chiếm 7,97% (trong đó, có 145 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).
 - Chuẩn 8, trẻ em có thể quản lý cảm xúc và thể hiện trách nhiệm với người khác: 187 trẻ, chiếm 9,62% (trong đó, có 176 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).
-

- Chuẩn 10, trẻ em thể hiện sự trung thực trong giao tiếp và ứng xử với người khác: 151 trẻ, chiếm 7,77% (trong đó, có 140 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

3.2. Lĩnh vực Ngôn ngữ và giao tiếp

- Chuẩn 11, trẻ em nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp: 161 trẻ, chiếm 8,28% (trong đó, có 151 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

- Chuẩn 12, trẻ em thể hiện ngôn ngữ sáng tạo: 213 trẻ, chiếm 10,96% (trong đó, có 202 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

- Chuẩn 13, trẻ em sẵn sàng việc học đọc: 164 trẻ, chiếm 8,44% (trong đó, có 154 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

- Chuẩn 14, trẻ em sẵn sàng việc học viết: 207 trẻ, chiếm 10,65% (trong đó, có 197 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

3.3. Lĩnh vực Nhận thức

- Chuẩn 15, trẻ em thực hiện các kỹ năng liên quan đến số, đếm, đo và biểu thị kết quả: 198 trẻ, chiếm 10,19% (trong đó, có 188 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

- Chuẩn 16, trẻ em xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp, định hướng trong không gian và thời gian: 195 trẻ, chiếm 10,03% (trong đó, có 184 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

- Chuẩn 18, trẻ em nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số: 206 trẻ, chiếm 10,60% (trong đó, có 202 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

3.4. Lĩnh vực Tiếp cận với việc học

- Chuẩn 21, trẻ em tự chủ với việc học: 196 trẻ, chiếm 10,08% (trong đó, có 182 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

- Chuẩn 22, giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống: 153 trẻ, chiếm 7,87% (trong đó, có 143 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

3.5. Số trẻ còn hạn chế về giao tiếp tiếng Việt

Còn 178 trẻ, chiếm 9,21% (trong đó, có 170 trẻ thuộc vùng đồng bào DTTS).

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Chương V Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT: “Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định về nhân sự, kinh phí để thực hiện theo thẩm quyền”; theo ý kiến của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 385/SDTTG-DT ngày 10/02/2026: “*Thống nhất về mặt chủ trương đối với việc nghiên cứu, tham mưu ban hành Nghị quyết dạy và học tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một*”.

Từ những cơ sở trên, Sở GDĐT đề xuất UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết “*Quy định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa*

bàn tỉnh Cà Mau” nhằm đảm bảo chế độ, quyền lợi cho trẻ em dân tộc thiểu số và người dạy.

Trên đây là báo cáo quá trình rà soát, khảo sát, đề xuất của Sở GDĐT, kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- Lưu: VT, GDMN-TH.



Nguyễn Văn Nguyên